

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 06/4/2021

V/v: “Ly hôn giữa chị
K và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Pep Êban

2. Ông Nguyễn Đình Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/1998 tại UBND xã E, huyện K (nay thuộc huyện C), tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 9, xã N, huyện C nhưng từ khi

chị mang bầu cháu V năm 1999 thì vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên rượu chè say xỉn, không lo tu chí làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong nhà đều một mình chị K gánh vác, luôn nghi ngờ ghen tuông vô cớ, khi chị K khuyên nhủ thì anh L không nghe còn chửi bới, đánh đập chị K nhiều lần. Chị đã cố gắng chịu đựng, bỏ qua để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh L vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi, tính khí càng ngày càng cộc cằn, hay sử dụng bạo lực với vợ. Hiện chị đã ra ngoài ở riêng. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị K và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 02/10/1999 và Nguyễn Thị Hà V2, sinh ngày 25/11/2003. Hiện nay cháu V1 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V2 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh L và chị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị K trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra một số mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc năm 2008 anh L phát hiện chị K không chung thủy nên vợ chồng xảy ra cãi vã, thời gian sau này anh L đã tha thứ để gia đình đoàn tụ nhưng chị K vẫn thường xuyên nhắn tin, nghe gọi điện thoại rất lâu với người đàn ông khác khiến anh L nghi ngờ. Khi anh L khuyên nhủ thì chị K làm lì không nói chuyện khiến mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Anh L thừa nhận trước đây có ham chơi rượu chè, dùng bạo lực với vợ nhưng những năm gần đây anh đã tu chí làm ăn, sửa đổi tính cách rất nhiều. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh L đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị K vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị K.

Về con chung: Anh L và chị K có 02 con chung như chị K trình bày là đúng. Trường hợp cháu V2 có nguyện vọng được ở với mẹ thì anh L đồng ý giao cháu V2 cho chị K nuôi dưỡng. Đối với cháu V1 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/1998 tại UBND xã E, huyện K (nay thuộc huyện C), tỉnh

Đắc Lắc. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh L qua lời trình bày của các đương sự cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy từ năm 1999 anh, chị sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, hay chửi bới đánh đập chị K, hiện hai bên đã sống ly thân. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Tại phiên tòa chị K xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[2]. Về con chung: Chị K và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 02/10/1999 (Đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thị Hà V2, sinh ngày 25/11/2003.

Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu V2, còn cháu V2 mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, phía anh L đồng ý giao cháu V2 cho chị K nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Tòa án đã giải thích về quyền này nhưng đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chưa đặt ra giải quyết trong cùng vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hà V2, sinh ngày 25/11/2003.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0017458 ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chị K đã nộp xong tiền án phí.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đoàn